TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-4-2023
"*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Bà Quách Thị Thu Hương.

2. Bà Sử Thị Huyền Trang.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện C mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 22 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn*:* Chị Phan Thị Bé N, sinh năm: 1994 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ:ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 01 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Bé N trình bày*:

Vào năm 2012 chị và anh C được gia đình 2 bên thống nhất tổ chức lễ cưới

và có Đ ký kết hôn tại UBND xã B. Chung sống hạnh phúc được 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không phù hợp, nên đã sống ly thân nhau từ tháng 01 năm 2021 đến nay. Nay xét thấy vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, tình cảm không còn nên không thể tiếp tục chung sống, vì vậy chị N xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 đứa con chung tên là Nguyễn Phan Minh Đ, sinh ngày 12/9/2013, giới tính nam và Nguyễn Phan Minh T, sinh ngày 08/8/2019, giới tính nam, hiện nay sống cùng chị N. Nay ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Văn C để anh trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N cũng như tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh C không nộp bản tự khai cho Tòa án, cố tình vắng mặt không rõ lý do trong quá trình tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng tư cách tham gia tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh C là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Chị N và anh C cưới nhau năm 2012 có Đ ký kết hôn theo quy định, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ tháng 01/2021. Nay chị N xác định không còn tình cảm với anh C nên yêu cầu ly hôn. Đề nghị HĐXX chấp nhận cho chị Phan Thị Bé N được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung tên là Nguyễn Phan Minh Đ, sinh ngày 12/9/2013, giới tính nam và Nguyễn Phan Minh T, sinh ngày 08/8/2019, giới tính nam, cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng và hiện nay 02 con sống cùng chị N. Anh C không cấp dưỡng nuôi con, do chị N không yêu cầu, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn anh Nguyễn Văn C được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, xét thấy sự vắng mặt của anh C không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn C.

Nguyên đơn chị N yêu cầu ly hôn với bị đơn anh C và yêu cầu giải quyết con chung. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"; chị N yêu cầu ly hôn với anh C, anh C có nơi cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là phù hợp.

Do Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[**2**] *Nội dung vụ án*:

[**2.1**] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị N và anh C chung sống với nhau từ năm 2012 anh chị chung sống là hoàn toàn tự nguyện và có Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, mặc dù anh chị đã có thời gian để cùng nhau hàn gắn nhưng vẫn không thành và hơn nữa hiện nay anh chị đã sống ly thân. Chị N xác định không còn tình cảm với anh C, chị C quyết yêu cầu ly hôn với anh C nhưng anh C không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình cố tình vắng mặt trong quá trình tòa án giải quyết vụ án. Xét thấy chị N không còn tình cảm với anh C và anh C không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình và hiện anh chị đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Từ đó, thấy rằng mâu thuẫn anh chị đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ Điều 56 (*ly hôn theo yêu cầu một bên*) của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Phan Thị Bé N được ly hôn với anh Nguyễn Văn C là phù hợp.

[**2.2**] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống anh chị có 02 đứa con chung tên là Nguyễn Phan Minh Đ, sinh ngày 12/9/2013, giới tính nam và Nguyễn Phan Minh T, sinh ngày 08/8/2019, giới tính nam, hiện nay sống cùng chị N. Nay ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

. Xét thấy hiện nay 02 cháu đang sống chung với chị N, cuộc sống của con được đảm bảo, hơn nữa chị N cũng có đủ điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng connên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử, xử giao cháu Nguyễn Phan Minh Đ, sinh ngày 12/9/2013, giới tính nam và Nguyễn Phan Minh T, sinh ngày 08/8/2019, giới tính nam cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng (Hiện nay 02 cháu Đạt đang sống chung với chị N). Do chị N không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét (*Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật*).

Anh C được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[**2.3**] *Về tài sản chung và nợ chung*:

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[**3**] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng chị N chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002676 ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1 - Về hôn nhân: Chị Phan Thị Bé N được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phan Minh Đ, sinh ngày 12/9/2013, giới tính nam và Nguyễn Phan Minh T, sinh ngày 08/8/2019, giới tính nam cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu (*Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật*).

Anh C được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4- Án phí ly hôn sơ thẩm: Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng chị N chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002676 ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

5- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/4/2023); đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã B;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA